

Kính gửi:

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các Ban Quản lý dự án xây dựng cơ bản thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Công văn số 3686/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các Ban Quản lý dự án xây dựng cơ bản thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao dự toán Ngân sách nhà nước công tác đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2015 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) chi đầu tư phát triển năm 2016 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015

Các đơn vị sử dụng vốn đầu tư từ NSNN đánh giá tình hình thực hiện và huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2015 theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2015 và ước thực hiện cả năm theo từng nguồn vốn. Trong đó lưu ý đối với kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) nguồn NSNN đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2015 để Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ báo cáo Chính phủ và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung kế hoạch theo đúng Nghị quyết của Quốc hội.

2. Các kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015.

3. Các giải pháp, kiến nghị triển khai kế hoạch trong các tháng cuối năm 2015.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, đề nghị các đơn vị lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 theo các quy định dưới đây:

I. CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG TRONG LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển của đơn vị 5 năm 2016-2020; phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực; phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền.

2. Xác định rõ mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2016.

3. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 phải thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công; số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

4. Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Dự kiến khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư phát triển kế hoạch năm 2016

a) Dự kiến khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc đơn vị quản lý.

b) Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án thuộc đơn vị quản lý.

c) Các thuận lợi và các khó khăn, vướng mắc trong việc cân đối và huy động các nguồn vốn trong năm 2016 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2016 của đơn vị.

d) Các đề xuất, kiến nghị và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 của đơn vị.

2. Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016

a) Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016

Việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2016 cho các dự án phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Chỉ đề xuất vốn cho các chương trình, dự án đã báo cáo tại kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

- Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình cần sắp xếp thứ tự ưu tiên.

- Đối với dự án khởi công mới, chỉ đề xuất khởi công mới các dự án thật sự cấp bách đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Nằm trong quy hoạch đã được duyệt;

+ Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách;

+ Quyết định phê duyệt dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2015;

+ Đã bố trí vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Không đề xuất vốn đầu tư từ NSNN cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn NSNN.

b) Xây dựng danh mục và đề xuất kế hoạch vốn NSNN cho từng dự án kế hoạch năm 2016

Căn cứ mục tiêu, định hướng, nguyên tắc và khả năng cân đối vốn đầu tư, các đơn vị dự kiến danh mục dự án và lập kế hoạch mức vốn cho từng dự án theo đúng các nguyên tắc nêu trên.

Đối với các chương trình dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ cần triển khai lập kế hoạch theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng cho các chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn của dự án.

Các chương trình, dự án dự kiến giải ngân trong kế hoạch năm 2016 phải là các chương trình, dự án đã ký Hiệp định hoặc có cam kết với nhà tài trợ đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các chương trình, dự án dự kiến sẽ ký kết Hiệp định trong 6 tháng cuối năm 2015 và trong 6 tháng đầu năm 2016. Lập kế hoạch vốn ODA năm 2016 cho các dự án phù hợp với tiến độ giải ngân trong các Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ và tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị sự nghiệp, các Ban quản lý dự án xây dựng cơ bản, các Dự án vay nợ và viện trợ trực thuộc Bộ khẩn trương thực hiện theo các nội dung hướng dẫn tại công văn này (file điện tử công văn được lấy tại địa chỉ sau: www.moet.gov.vn) và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em) thời hạn như sau:

- Gửi bản email theo địa chỉ cuccsvctbth@moet.edu.vn hoặc fax qua số 04.3869.3892 trước ngày 10/7/2015.

- Gửi bản chính thức (bản có dấu) trước ngày 15/7/2014.

Quá thời hạn trên, đơn vị nào không gửi báo cáo coi như đơn vị đó không có nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2016.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ KHTC;
- Lưu: VT, CSVCTBTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Mạnh Hùng

| STT | Ngành, lĩnh vực | Năm 2015 | | | | | | | | | Dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 | | | Nhu cầu kế hoạch năm 2016 | | | | | |
|-----|--|------------|--------------------------|------------|------------|-------------------------------------|------------|------------|---------------------------------------|------------|--|------------|---|---------------------------|------------|------------|---------------------------|------------|------------|
| | | Tổng số DA | KH vốn đã được TTCP giao | | | Thực hiện từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 | | | Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2016 | | | Tổng số DA | Số vốn kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 | | | Tổng số DA | Nhu cầu kế hoạch năm 2016 | | |
| | | | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài | | Tổng số | Trong nước | Nước ngoài |
| | - Trong đó: dự án đã hoàn thành các năm trước | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| c | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Trong đó: dự án bố trí đúng tiến độ (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 5 năm) | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| d | Dự án dừng không bố trí vốn | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Ngành, lĩnh vực, chương trình ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | PHÂN LOẠI NHƯ ĐIỂM 1, MỤC II NÊU TRÊN | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Biểu mẫu số 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016

(kèm theo công văn số 3197/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 25 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013 | | Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ | | Năm 2015 | | | | | | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015 | | Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm 2016-2020 | | | Nhu cầu kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016 | | | Ghi chú | | | | |
|--|----------------|-------------|-------------------|-----------------|---|--------------------------------|---|---|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--|----------------|---|--------------------|---------------------------------------|----------------|---|----------------|--------------------------------------|--|---------|-----------------------------|---------|---------|--------------------|--|--|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Kế hoạch | | Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015 | | Ước giải ngân từ 1/1/2015 đến 31/1/2016 | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các khoản ứng trước) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các khoản ứng trước) | Trong đó: NSNN | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các khoản ứng trước) | Trong đó: NSNN | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | | | | | | | | Thu hồi các khoản ứng trước | | | Thanh toán nợ XDCB | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | | | | |
| TỔNG SỐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I Ngành/ Lĩnh vực ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II Ngành/ Lĩnh vực ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| B THỰC HIỆN DỰ ÁN | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I Ngành, Lĩnh vực/Chương trình..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a Dự án nhóm A | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013 | | Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ | | Năm 2015 | | | | | | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015 | Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm 2016-2020 | | | Nhu cầu kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016 | | | Ghi chú | | | | | | | | | | | | |
|----------|--|-------------|-------------------|-----------------|---|--------------------------------|---|---|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--|----------------|---|--------------------|---------------------------------------|---|----|----|--|----|----|---------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|---------|-----------------------------|--------------------|---------|-----------|--|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Kế hoạch | | Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015 | | Ước giải ngân từ 1/1/2015 đến 31/1/2016 | | | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSNN | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | | | | | | | | | | | | | | | | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| c | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a | Dự án nhóm A | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| c | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a | Dự án nhóm A | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thôn gian KC-HT | Nhà tài trợ | Ngày ký kết hiệp định | Quyết định đầu tư được TTCP gần KH năm 2012, 2013 | | | | Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm gần KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ | | | | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết KH năm 2014 | | | KH năm 2015 | | | Ước giải ngân kế hoạch 2015 từ 1/1/2015 đến 31/1/2016 ⁽¹⁾ | | | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết KH năm 2015 | | | Dự kiến khả năng giải ngân kế hoạch năm 2016 | | | Ghi chú | | |
|--|----------------------------|-------------|-------------------|-----------------|-------------|-----------------------|---|--------------------------------|----------------------------|----------------|--|---------------|--------------------------------|----------------------|---|--------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------|--------------------------------|--|----------------------|--------------------------------|---|-----------|--------------------------------|--|------|--------------------------------|---------|-----------|----------------|
| | | | | | | | Số quyết định | TMDT | | | | Số quyết định | TMDT | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | Trong đó: | |
| | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn đối ứng ⁽¹⁾ | | Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾ | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | Trong đó: | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tính bằng ngoại tệ | | | Quy đổi ra tiền Việt | Tổng số | | | Trong đó: NSTW | Tính bằng ngoại tệ | | | Quy đổi ra tiền Việt | | | Tổng số | | Trong đó: NSTW | TPCP | | | Tổng số | Trong đó: NSTW |
| <p>a Danh mục dự án khởi công mỗi năm 2016</p> <p>b Dự án nhóm B</p> <p>c Dự án nhóm C</p> <p>Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....</p> <p>Phân loại như trên</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

-(1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước (tính theo tiền Việt Nam đồng)

-(2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định. Phần vốn bổ trợ kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt nam đồng tính đến thời điểm thành toán.

-(3) Riêng số vốn TPCP báo cáo ước thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2014 từ 01/01/2015 đến 30/6/2016

